TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂ DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 654/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại pH toà không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 28/11/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2019 chị H và anh H1 tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 04/5/2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2019). Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều Â, sinh 27/01/2020 và Nguyễn Ngọc Kiều K, sinh 20/4/2021 (Anh H1 đang nuôi dạy). Về tài sản chung chị H xác định có 08 chỉ vàng 24k và 55.000.000 đồng; nợ chung tự thoả thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn chị H xác định vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi với nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng đã không sống chung khoảng 01 năm.

Chị H yêu cầu ly hôn với anh H1. Về con chung đồng ý giao các con chung cho anh H1 tiếp tục nuôi dạy, không đồng ý cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại pH toà, kết quả tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dÂ sự *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhÂ là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân chị H và anh H1 không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhÂ lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhÂ không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập các bên 02 lần để tham gia H1 giải, nhưng anh H1 đều không đến và chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh H1, nên có căn cứ xác định được chị H và anh H1 không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhÂ về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với Điều 51, Điều

56 Luật hôn nhÂ và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2019 ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Â và cháu Khang đang được anh H1 nuôi dạy và sau khi ly hôn chị H cũng thống nhất giao các cháu cho anh H1 tiếp tục nuôi dạy. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Â và cháu Khang cho anh H1 trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhÂ và gia đình. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh H1; nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Con chung giữa chị H và anh H1 được giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dạy, theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị H không tự nguyện cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản (lương cơ bản hiện nay 1.800.000 đồng), đồng thời để điều kiện tốt về tài chính cho anh H1 đảm bảo hơn trong việc chăm lo cho các cháu Â và cháu Khang về mọi mặt, nên cần buộc chị H cấp dưỡng cho các cháu Â và cháu Khang mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H1 về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ và xem xét phần tài sản chung giữa chị H và anh H1. Do đó, cần tách phần tài sản chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dÂ sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dÂ sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2019 ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Ngọc Kiều Â, sinh 27/01/2020 và cháu Nguyễn Ngọc Kiều K, sinh 20/4/2021. Chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh H1; nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc Kiều Â, sinh 27/01/2020 và cháu Nguyễn Ngọc Kiều K, sinh 20/4/2021 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 08/01/2024. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Lê Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì chị Lê Thị H còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Lê Thị H phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng, chị Lê Thị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007445 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dÂ sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ, số tiền án phí chị Lê Thị H phải nộp tiếp là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dÂ sự, người phải thi hành án dÂ sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dÂ sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dÂ sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải